PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRUNG TÂM DỊCH VỤ XĂNG DẦU VÀ Ô TÔ, XE MÁY NINH BÌNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ – UBND ngày tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Ninh Bình)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Tên dự án: Trung tâm dịch vụ xăng dầu và ô tô, xe máy Ninh Bình.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Gia Phạm.

Đại diện: bà Phạm Thị Lam Giang - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN - 08, KCN Phúc Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.

1.3. Vị trí, phạm vi dự án:

Dự án thực hiện tại lô CN - 08, KCN Phúc Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

1.4. Quy mô và công suất sản phẩm của Dự án:

- Diện tích đất khu vực dự án: 7.936,5 m^2.

- Công suất sản xuất dự án:

+ Kinh doanh xe ô tô các loại: 820 xe/năm.

+ Dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô các loại: 9.500 lượt phương tiện/năm.

+ Kinh doanh mô tô, xe máy các loại (xe mới 100%): 3.240 xe/năm

+ Dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì mô tô, xe máy: 11.000 lượt phương tiện/năm.

+ Kinh doanh xăng dầu: 3.600 m^3/năm.

1.5. Các hạng mục công trình chính của Dự án:

- Khối công trình trưng bày và dịch vụ sửa chữa ô tô Ford: diện tích xây dựng 1.975,9 m^2.

- Khối công trình trưng bày và dịch vụ sửa chữa ô tô Honda: diện tích xây dựng 2.955,7 m^2.

- Khối công trình trưng bày và dịch vụ sửa chữa xe máy Honda: diện tích xây dựng 730 m^2.

- Khối cây xăng: diện tích 662m^2 (bao gồm đường và bãi đỗ xe dành cho xe ra vào mua hàng và nhập hàng).

1.6. Công nghệ sản xuất, vận hành:

- Quy trình nhập, xuất bán xe mới:

+ Nhập kho:

Bộ phận kinh doanh → Đơn đặt hàng → Ford, Honda Việt Nam → Sản phẩm theo đơn đặt hàng → Nhập kho.

+ Xuất kho:

Đơn đặt hàng của khách → Bộ phận kinh doanh → Kế toán → Kiểm tra kho → Lệnh xuất kho.

- Quy trình công nghệ bảo dưỡng ô tô:

Xe ô tô → Bảo dưỡng định kỳ → Tẩy rửa ngoài xe, cụm máy/ Rửa hệ thống làm mát/ Tẩy rửa hệ thống bôi trơn.

Xe ô tô → Bảo dưỡng hàng ngày → Làm sạch, kiểm tra dụng cụ, chẩn đoán tình trạng, phun sơn.

- Quy trình công nghệ bảo dưỡng xe máy:

Xe máy → Kiểm tra → Bảo dưỡng → Giao xe cho khách

- Quy trình bán lẻ xăng dầu:

Tổng công ty Xăng dầu (Đầu mối nhập khẩu) → Nhập xăng dầu → Bể lưu chứa → Xuất xăng dầu → Phương tiện giao thông tiêu dùng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

2.1.1. Giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

- Tác động do hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tác động do hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình; hoạt động máy móc xây dựng.

- Tác động do hoạt động của công nhân trên công trường, cán bộ công nhân viên đang làm việc tại công ty.

- Hoạt động công nghiệp tại trạm sửa chữa hiện có của công ty.

2.1.2. Trong quá trình vận hành dự án:

- Tác động do hoạt động phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tác động do công nghiệp tại trạm sửa chữa.

- Tác động do hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.2. Giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

- Nước thải xây dựng: Nước thải từ quá trộn vữa không vượt quá 5 m^3/ngày và nước thải từ hoạt động rửa lốp xe 5 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là cặn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

- Nước thải phát sinh từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe đang hoạt động bao gồm: Nước thải từ khu vực rửa ô tô, nước thải do công nhân rửa tay chân công nhân; nước thải phát sinh từ quá trình đánh vệ sinh trước khi sơn (bằng giấy ráp ướt) là: 5 m^3/ngày. Trong loại nước thải này có dầu, TSS, đất cát, xà phòng. Nước thải từ quá trình rửa máy, rửa thiết bị làm mát, bôi trơn là 2 tấn/năm tương đương khoảng 0,01 m^3/ngày. Lượng nước thải này chứa nhiều cặn, chất rắn lơ lửng, kiềm, axit.

- Nước thải sinh hoạt từ cán bộ công nhân viên tại công ty và công nhân xây dựng *(20 người)* phát sinh với tổng lưu lượng: 2,9 m^3/ngày. Lượng nước thải này chứa nhiều chất cặn bã, chất lơ lửng, BOD, COD, vi sinh vật.

- Nước mưa chảy tràn phát sinh với lưu lượng mưa trong 15 phút đầu tiên là 0,069 m^3/s. Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt kéo theo đất cát có độ đục tương đối cao.

2.2.3. Giai đoạn hoạt động:

- Nước thải sinh hoạt: 8,78 m^3/ngày đêm. Thành phần nước thải sinh hoạt gồm TSS, COD, BOD_5, Coliform.

- Nước thải nhà bếp: 3,75m^3/ngày đêm. Thành phần gồm TSS, COD, BOD_5, Coliform, dầu mỡ động, thực vật.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động lưu chứa xăng dầu bao gồm nước rửa bể và xăng dầu xả cặn khoảng 2,03 m^3/2 năm. Thành phần nước thải này chứa nhiều chất lơ lửng và các hạt keo dưới dạng nhũ tương.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe bao gồm:

+ Nước thải từ khu vực rửa ô tô, nước thải do công nhân rửa tay chân công nhân sau khi kết thúc công việc; nước thải phát sinh từ quá trình đánh vệ sinh trước khi sơn (bằng giấy ráp ướt) là: 5 m^3/ngày. Trong loại nước thải này có dầu, TSS, đất cát, xà phòng.

+ Nước thải từ khu vực rửa xe máy, nước thải do công nhân rửa tay chân công nhân sau khi kết thúc công việc; nước thải từ quá trình rửa xe là: 6 m^3/ngày.

+ Nước thải từ quá trình rửa máy, rửa thiết bị làm mát, bôi trơn là 0,01 m^3/ngày. Lượng nước thải này chứa nhiều cặn, chất rắn lơ lửng, kiềm, axit.

- Nước mưa chảy tràn bao gồm: nước mưa chảy tràn nhiễm xăng dầu chủ yếu là nước mưa rơi trên khu vực xuất xăng dầu, cuốn theo xăng dầu rơi vãi với lượng nước trong 15 phút đầu là 3m^3 (tính cho trận mưa lớn nhất) và nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án không nhiễm xăng dầu với lưu lượng nước mưa trong 15 phút đầu là 0,069 m^3/s, nước mưa có thể cuốn theo các loại rác có độ đục tương đối cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

- Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu xây dựng, thi công các hạng mục công trình. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2, NO_x, CO.

- Bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn tại các buồng sơn.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hệ thống cấp nhiệt cho phòng sơn. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Khói hàn từ quá trình hàn các cấu kiện, chi tiết.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2.3.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2, NO_x, CO.

- Hơi xăng dầu bay hơi trong quá trình xuất nhập xăng dầu.

- Bụi, hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn tại các buồng sơn.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hệ thống cấp nhiệt cho phòng sơn. Thành phần chủ yếu bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Khói hàn từ quá trình hàn các cấu kiện, chi tiết.

- Khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng. Thành phần khí thải chủ yếu là bụi, CO, NO_X, SO_2.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh với khối lượng 0,4 tấn/ngày. Thành phần: các chất thải của vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ.

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô với khối lượng 50kg/tháng. Thành phần: các thiết bị, bộ phân hư hỏng của xe được loại bỏ trong quá trình bảo dưỡng, bảo trì như: ốc vít, vỏ xe, phuộc xe.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ nhân viên làm việc tại công trường và công nhân viên làm việc tại công ty với tổng khối lượng phát sinh là: 10 kg/ngày. Thành phần: bao bì, vỏ chai, thức ăn thừa, giấy vụn, loại văn phòng phẩm qua sử dụng.

2.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên với khối lượng ước tính: 97,5kg/ngày.

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô với khối lượng 100kg/tháng. Thành phần: các thiết bị, bộ phân hư hỏng của xe được loại bỏ trong quá trình bảo dưỡng, bảo trì như: ốc vít, vỏ xe, phuộc xe.

2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng: 1.535 kg/năm bao gồm: giẻ lau, găng tay dính xăng, dầu, bình ắc quy thải, vỏ lọ dầu nhớt, cặn sơn thải đối với quá trình sản xuất và 5 kg/tháng đối với CTNH trong quá trình xây dựng công trình mới, thành phần chủ yếu giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn, ắc quy hỏng, kim loại dính sơn, đầu mẩu que hàn.

2.5.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực dự án với khối lượng: 15.506 kg/năm bao gồm: giẻ lau, găng tay dính xăng, dầu, bình ắc quy thải, vỏ lọ dầu nhớt, cặn sơn thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước mưa, nước thải:

3.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Thu gom nước mưa bằng ống DN300 dài khoảng 2.070 m bao quanh khu vực dự án. Toàn bộ lượng nước mưa từ các mái nhà và sân bê tông ở dự án được thu gom vào ống thu gom nước mưa DN300 dốc đều về các điểm ga phía Tây Bắc lô đất, thải ra hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Phúc Sơn.

Đối với nước bề mặt nhiễm xăng dầu tại khu vực bể chứa và nhà mái che cột bơm, nước thải bề mặt nhiễm xăng dầu sẽ được thu gom riêng vào bể tuyển nổi (bể thu tách xăng dầu) có thể tích 3 m^3 và bể lọc cát 3m^3 để xử lý đảm bảo đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu sau đó dẫn vào hệ thống thu gom nước thải của KCN để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Phúc Sơn.

3.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:

a. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt trên công trường được thu gom, xử lý sơ bộ tại nhà vệ sinh sẵn có của trung tâm (sử dụng 02 bể tự hoại tổng thể tích 18m^3 (bên khu nhà trưng bày xe Honda).

- Nước thải thi công xây dựng: Tại khu vực xây dựng các công trình mới tạo rãnh thoát nước thải thi công. Trên hệ thống bố trí hố ga lắng cặn có kích thước 2m × 1m × 1m. Nước sau khi lắng và lọc bỏ dầu mỡ sẽ được đưa vào hệ thống thoát nước thải của KCN Phúc Sơn.

b. Thu gom và xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt của công nhân nhà máy: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp tập thể được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ theo đường ống PVC110 tiếp tục được thu gom, xử lý bởi hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m^3/ng.đêm được đấu nối ra hệ thống thu nước thải của KCN Phúc Sơn.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe: Nước thải từ quá trình rửa xe, từ quá trình đánh vệ sinh trước khi sơn → bể tách dầu 3 ngăn: ngăn chứa bể tách dầu (4,8 m^3); ngăn lắng 1 bể tách dầu (4,8 m^3); ngăn lắng 3 bể tách dầu (4,8 m^3) → bể keo tụ kết hợp lắng (4,8 m^3) → bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m^3/ngày đêm (4,5 m^3) → nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT và sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Phúc Sơn.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m^3/ngày đêm. Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa (8,1 m^3) → bể anoxic (3 m^3) →bể aerotank (6 m^3) → Bể lắng (3 m^3) → bể khử trùng (4,5 m^3) → Nước thải sau xử lý được thoát ra hệ thống thoát nước thải của KCN Phúc Sơn để tiếp tục xử lý.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động lưu chứa xăng dầu:

+ Nước thải từ quá trình xúc rửa bể chứa: Cải tiến phương pháp xúc rửa bể, hạn chế lượng nước cần sử dụng.

+ Lượng xăng dầu cặn, chứa nhiều nhũ tương cần được xả hết và lưu chứa bằng thùng kín. Lượng nước rửa bể được thu gom bằng thùng đựng riêng. Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Phương án thoát nước khu bể chứa: Tách riêng hố van xả đáy và đường thoát nước thải xả đáy với rãnh thoát nước mặt (mưa) quanh chân bể.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng

Lập hàng rào bằng tôn chiều cao 2m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; tưới ẩm bề mặt khu vực xây dựng tần suất 2 lần/ngày vào ngày hanh khô và tưới bằng ống dẫn nước, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành

a. Giảm thiểu ô nhiễm do phương tiện giao thông.

- Vệ sinh đường giao thông nội bộ trong Trung tâm hàng ngày.

- Có chế độ điều tiết xe vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm phù hợp để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông và cộng hưởng ô nhiễm bụi, khí thải tại lối đi ra vào khu vực dự án.

- Tất cả các xe vận tải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ ô nhiễm môi trường mới được phép hoạt động phục vụ cho công tác chuyên chở nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm.

- Trong những ngày nắng nóng, hanh khô thường xuyên phun nước tại khu vực dự án và các tuyến đường vận chuyển.

b. Giảm thiểu hơi xăng dầu bay hơi.

- Áp dụng công nghệ nhập kín và thu hồi hơi xăng dầu đảm bảo giảm thiểu ô nhiễm môi trường và kiểm soát nguy cơ cháy nổ đối với cửa hàng xăng dầu.

- Vận hành hệ thống xuất nhập đúng quy trình tránh để tình trạng rơi vãi, tràn ngoài.

- Các thiết bị trong hệ thống được bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ.

- Nâng cao ý thức của cán bộ và công nhân trong quá trình xuất, nhập xăng dầu.

c. Biện pháp giảm thiểu Bụi (mùi sơn) phát sinh từ công đoạn phun sơn tại các buồng sơn và bụi, khí thải từ hệ thống cấp nhiệt cho phòng sơn

Tất cả 08 phòng sơn (03 buồng sơn sấy và 05 buồng sơn nhanh) tại dự án có hệ thống hút bụi sơn được làm bằng bông thuỷ tinh theo tiêu chuẩn EN779 để lọc hoàn toàn bụi bẩn trước khi được tuần hoàn trở lại dàn khí sấy. Lưu lượng quạt hút

trong buồng phun sơn nhanh là 10.000 m^3/h; Lưu lượng quạt hút trong buồng phun sơn sấy là 22.000 m^3/h. Lọc sàn phòng sơn làm bằng sợi thuỷ tinh tổng hợp theo dạng lưới và có độ thoáng khí cao hơn bông lọc trần phòng sơn. Toàn bộ bụi sơn sẽ được giữ lại bởi khay lọc bông, khí sơn còn lại sẽ được đi qua khay lọc than hoạt tính để khử mùi và hấp phụ các chất VOCs. Các chất thải trong khí thải khi xả ra môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (k_p = 0,8, k_v = 1): Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Khí thải sau khi xử lý được thải ra ngoài qua 4 điểm xả khí thải: 01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn nhanh khu Honda; 01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn nhanh khu Ford; 01 điểm tại điểm xả thải của buồng sơn sấy khu Honda; 01 điểm tại điểm xả thải của buồng sơn sấy khu Ford.

3.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

3.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công

- Chất thải xây dựng: Thực hiện thu gom, phân loại chất thải. Tận dụng những loại chất thải như bê tông, đất, gạch,.. làm vật liệu san nền. Chất thải rắn không tái chế, tái sử dụng được thu gom về kho chứa chất thải tạm thời có diện tích 15m^2 để lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ bố trí 01 thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240L để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo các quy định.

3.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành

a. Công trình, biện pháp thu gom lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được tập trung thu gom vào 8 thùng dung tích 10 lít, các thùng đựng rác được bố trí tại một số điểm dọc hành lang các khu nhà và được chuyển đến kho chứa rác thải sinh hoạt của Công ty. Kho chứa rác thải sinh hoạt diện tích 10m^2, có lợp mái fibro xi măng, nền đổ bê tông. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn sản xuất

Chất thải rắn sản xuất không nguy hại được thu gom và bán cho các đơn vị tái sử dụng. Các chất thải không có khả năng tái chế được thu gom vào 8 thùng dung tích 20 lít được đặt tại các xưởng sửa chữa, sau đó tập kết vào kho chứa chất thải sản xuất diện tích 20m^2 và thu gom, xử lý cùng với chất thải sinh hoạt.

3.4. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại giai đoạn thi công xây dựng

Thực hiện phân loại, lưu trữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa CTNH chuyên dụng có dung tích 120L (thùng chứa bằng compostit có nắp đậy) và 240L (thùng chứa bằng compostit có nắp đậy) sau đó sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu

gom cùng với các CTNH hiện có của trung tâm.

3.4.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án sẽ được thu gom vào 5 thùng phuy 200 lít, dán nhãn mác, dấu hiệu cảnh báo đúng quy định rồi tập kết tại kho chứa diện tích 20m^2 có lợp mái fibro xi măng, nền đổ bê tông, xung quanh nhà kho xây rãnh thoát bằng gạch láng xi măng có chiều rộng 20 cm, chiều sâu 10 cm để thu gom CTNH khi có sự cố. Ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực tới thu gom và xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Trồng cây xanh quanh khu vực dự án để giảm thiểu tiếng ồn.

- Điều tiết xe vận tải chở nguyên, nhiên liệu đầu vào và sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng ùn tắc giao thông tại tuyến đường ra vào Dự án.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: thực hiện các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải: thường xuyên theo dõi hoạt động, tuân thủ các yêu cầu thiết kế; có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Phương án phòng chống sự cố đổ, vỡ bồn chứa xăng dầu, hệ thống đường ống nhập, xuất xăng dầu: thiết kế, chế tạo hệ thống bồn chứa, đường ống xuất, nhập đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng hệ thống, định kỳ kiểm tra độ an toàn của hệ thống bồn chứa xăng dầu, đường ống xuất, nhập.

- Phương án phòng chống, ứng phó sự cố tràn dầu: Chủ dự án lập phương án, kế hoạch ứng cứu sự cố tràn dầu trình UBND tỉnh Ninh Bình theo các quy định pháp luật hiện hành; trang bị một số thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố tràn dầu: giấy thấm dầu tràn; vải lọc dầu; thiết bị chứa dầu tạm thời - túi chứa dầu.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

TT	Tên hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất	Hệ thống	01	Công suất 30m^3/ngày đêm
2	Kho chứa chất thải rắn sản xuất thông thường	Kho	01	Diện tích 20m^2
3	Kho chứa chất thải nguy hại	Kho	01	Diện tích 20 m^2
4	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	Kho	01	Diện tích 10 m^2
5	Hệ thống thu gom thoát nước mưa	Hệ thống	01	Ống thu gom nước mưa DN300 dài khoảng 2.070 m
6	Bể tách mỡ nhà ăn	Bể	01	Thể tích 1 m^3
7	Bể tự hoại	Bể	05	03 bể (thể tích 6 m^3); 01 bể (thể tích 10m^3); 01 bể (thể tích 8m^3)
8	Bể thu tách dầu mỡ nước thải khu sửa chữa xe	Bể	01	Gồm 3 ngăn, mỗi ngăn 4,8 m^3
9	Bể gạn dầu nước mưa nhiễm xăng dầu	Bể	02	Bể tuyển nổi 3m^3 và bể lọc cát 3m^3
10	Bể keo tụ kết hợp lắng	Bể	01	Thể tích 4,8 m^3
11	Hệ thống xử lý khí thải	HT	08	Được trang bị đồng bộ với buồng phun sơn. Lưu lượng quạt hút trong buồng phun sơn nhanh là 10.000 m^3/h; Lưu lượng quạt hút trong buồng phun sơn sấy là 22.000 m^3/h

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1 Chương trình quản lý môi trường:

Chương trình quản lý môi trường được thực hiện theo 2 giai đoạn: giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức được nêu cụ thể tại Bảng 4-1, chương 4 của báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án

5.2.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn xây dựng các công trình mới và hoạt động kinh doanh của giai đoạn hiện tại:

- Đối với khu vực xây dựng các công trình mới

Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Tại các điểm tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại, giám sát việc thu gom, phân loại, quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.

Tần suất quan trắc: hàng ngày cho đến khi kết thúc hoạt động xây dựng.

- Đối với trạm bảo hành, bảo dưỡng ô tô đang hoạt động:

**** Giám sát môi trường khí thải:***

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn (01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn nhanh khu Honda; 01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn sấy khu Honda).

+ Thông số giám sát: bụi, CO, NOx, SO_2, benzen, toluen, xylen

+ Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 19:2009/BTNMT (k_p = 0,9, k_v = 1); QCVN 20:2009/BTNMT.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

**** Giám sát môi trường nước thải:***

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại điểm đầu vào trạm XLNT tập trung và 01 điểm tại đầu ra của trạm xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: pH, TSS, TDS, BOD_5, H_2S, NH_4^+-N, NO_3^--N, PO_4^{3-}-P, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

**** Giám sát bùn thải hệ thống xử lý nước thải:***

+ Mục đích: Phân định bùn thải là CTNH hay chất thải thông thường để quản lý phù hợp.

+ Vị trí: Bể chứa bùn hệ thống XLNT.

+ Thông số và quy chuẩn so sánh: các thông số theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

+ Thời gian giám sát: trước khi chuyển giao.

**** Giám sát chất thải rắn:***

Tuân theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 08/2017/TT-BXD quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

+ Vị trí giám sát: kho lưu giữ chất thải rắn

+ Thông số giám sát: thành phần, lượng thải, công tác thu gom quản lý chất thải.

+ Tần suất giám sát: khi có phát sinh chất thải.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a. Giám sát môi trường khí thải:

- Vị trí giám sát:
+ 01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn nhanh khu Honda.
+ 01 điểm tại điểm xả thải của buồng phun sơn nhanh khu Ford.
+ 01 điểm tại điểm xả thải của buồng sơn sấy khu Honda.
+ 01 điểm tại điểm xả thải của buồng sơn sấy khu Ford.
- Thông số giám sát: Bụi, CO, NO_x, SO_2, benzen, toluen, xylen.
- Quy chuẩn giám sát: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (k_p = 0,8, k_v = 1); QCVN 20:2009/BTNMT.
- Tần suất: 3 tháng/lần.

b. Giám sát không khí khu vực cửa hàng xăng dầu

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi, toluen, xylen.

- Tần suất giám sát: 3 tháng /lần.

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại cửa hàng xăng dầu.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 03:2019/BYT, QCVN 02:2019/BYT; QĐ 3733:2002/BYT.

c. Giám sát môi trường nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại điểm đầu vào trạm XLNT tập trung và 01 điểm tại đầu ra của trạm xử lý nước thải.

- Thông số giám sát: pH, TSS, TDS, BOD_5, H_2S, NH_4^+-N, NO_3^--N, PO_4^{3-}-P, Dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột B.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

* ***Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, CTR sản xuất không nguy hại***

- Vị trí giám sát: kho chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất thông thường.

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

**** Giám sát chất thải nguy hại***

- Vị trí giám sát: kho chứa chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục.

**** Giám sát bùn thải hệ thống xử lý nước thải:***

- Mục đích: Phân định bùn thải là CTNH hay chất thải thông thường để quản lý phù hợp.

- Vị trí: Bể chứa bùn hệ thống XLNT.

- Thông số và quy chuẩn so sánh: các thông số theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

- Thời gian giám sát: trước khi chuyển giao.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

- Bố trí khu lưu giữ nguyên vật liệu và thiết bị tại những địa điểm phù hợp để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên trong quá trình thi công xây dựng; thực hiện chương trình giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh xã hội đối với đội ngũ cán bộ, công nhân tham gia thi công lắp đặt thiết bị, vận hành dự án.

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị: Thực hiện các biện phải có các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2010/BTNMT về tiếng ồn (khu vực thông thường) và QCVN 27:2010/BTNMT (Bảng 2 - Khu vực thông thường) về độ rung.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị và vận hành Dự án phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m^3/ngày.đêm đảm bảo xử lý đạt các giá trị tại cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối về hệ thống xử lý tập trung của KCN Phúc Sơn.

- Vận hành hệ thống xử lý bụi và khí thải, đảm bảo khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất đạt các giá trị quy định tại QCVN 20: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

6.2. Các điều kiện kèm theo:

- Phối hợp với các cơ quan tổ chức lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố môi trường khác phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường phải được cập nhật, lưu giữ tại đơn vị và gửi 01 bộ đến Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Bình để kiểm tra và giám sát.

- Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng và vận hành các công trình xử lý môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.3. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo tại Điều 37 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện kèm theo và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

- Lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh xem xét cấp phép theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.